

Số: 15/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4827/TTr-SNNPTNT ngày 28/12/2022; quyết nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQLQ ngày 22/12/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tại Điều 1 Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh như sau:

STT	Nội dung	Kế hoạch thu, chi theo Quyết định số 254/QĐ-UBND	Kế hoạch thu, chi điều chỉnh	Chênh lệch
[1]	[2]	[3]	[4]	[5=4-3]
I	<b>Kế hoạch thu</b>	<b>30.888.260.675</b>	<b>35.098.210.364</b>	<b>4.209.949.689</b>
1	Thu trong năm 2022	15.128.013.146	19.337.962.835	4.209.949.689
2	Nguồn của các năm 2021 chuyển sang	15.760.247.529	15.760.247.529	0

2.1	Nguồn chi trả cho chủ rừng	5.221.433.514	5.221.433.514	0
2.2	Nguồn dự phòng	0	0	0
2.3	Nguồn chưa có đối tượng chi	10.187.853.254	10.187.853.254	0
2.4	Nguồn cải cách tiền lương	350.780.761	350.780.761	0
2.5	Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu	180.000	180.000	0
<b>II</b>	<b>Kế hoạch chi trong năm 2022</b>	<b>14.019.754.799</b>	<b>14.531.083.072</b>	<b>511.328.273</b>
1	Chi hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (Trích 10% từ nguồn thu năm 2022)	1.512.801.312	1.933.796.160	420.994.848
2	Trích dự phòng 2022 (5% từ nguồn thu trong năm 2022)	756.400.660	0	-756.400.660
3	Chi trả cho bên cung ứng DVMTR	11.118.506.827	12.279.727.592	1.161.220.765
3.1	Đối với diện tích cung ứng DVMTR năm 2021 (Sau khi có kết quả nghiệm thu diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2021)	3.855.005.811	3.839.861.992	-15.143.819
3.2	Đối với diện tích cung ứng DVMTR năm 2022	7.263.501.016	8.439.865.600	1.176.364.584
4	Nguồn chưa có đối tượng chi	632.046.000	317.379.320	-314.666.680
4.1	Nguồn DVMTR năm 2011-2014 (Theo Công văn 321/TTg-KTTH ngày 01/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 928/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)	419.266.000	121.701.000	-297.565.000
-	Xây dựng bản đồ lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng thủy điện Sông Liên 1, huyện Ba Tơ	419.266.000	121.701.000	-297.565.000
4.2	Nguồn chưa có đối tượng chi phát sinh sau năm 2014	212.780.000	195.678.320	-17.101.680
-	Tập huấn, tuyên truyền chính sách chi trả DVMTR của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	113.580.000	96.639.600	-16.940.400
-	Lắp đặt bản chỉ dẫn	90.200.000	90.200.000	0
-	In tờ rơi	9.000.000	8.838.720	-161.280
5	Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu	0	180.000	180.000

<b>III</b>	<b>Chuyển nguồn sang năm 2023</b>	<b>16.868.505.876</b>	<b>20.567.127.292</b>	<b>3.698.621.416</b>
1	Nguồn chi trả cho chủ rừng	4.155.343.984	6.321.388.963	2.166.044.979
2	Nguồn chưa thực hiện chi	12.713.161.892	14.245.738.329	1.532.576.437
2.1	Nguồn DVMTR chi cho chủ rừng của các năm trước còn dôi ra	2.806.393.877	2.234.615.514	-571.778.363
2.2	Nguồn chưa có đối tượng chi	9.555.807.254	11.659.913.158	2.104.105.904
2.3	Nguồn cải cách tiền lương	350.780.761	351.209.657	428.896
2.4	Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu	180.000	0	-180.000

(Chi tiết theo phụ lục tại Tờ trình số 4827/TTr-SNNPTNT ngày 28/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng chế độ quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; căn cứ số tiền thực thu trong năm (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022), thực hiện trích kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ, kinh phí dự phòng (nếu có); chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng đúng tiêu chuẩn, định mức, đối tượng; việc trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh triển khai thực hiện theo quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, KTN<sub>ph04</sub>.



**Đặng Văn Minh**

